

Bản án số: 17/2023/DS-ST

Ngày 05-7-2023

“V/v Tranh chấp thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Thông;

2. Ông Nguyễn Ngọc Triển;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Đặng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 96/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc *“tranh chấp thừa kế tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXXST - DS ngày 25 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lương Văn M, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. *Bị đơn:* Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Cụ Cao Thị B, sinh năm 1940;

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Anh Lương Văn H1, sinh năm 1988 (vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Anh Lương Thế V, sinh năm 1995 (vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Cháu Lương Minh H, sinh năm 2010 (vắng mặt).

+ Cháu Lương Ngọc A, sinh năm 2012 (vắng mặt).

+ Cháu Lương Thị Giang A, sinh năm 2014 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của các cháu H, A và A: Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1972 (có mặt).

Đều có địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

4. *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn - anh Lương Văn M trình bày: Bố anh là ông Lương Văn H và mẹ anh bà Nguyễn Thị M sinh được 03 người con là anh (Lương Văn M), anh Lương Văn H và anh Lương Văn V. Ngoài ra, bố mẹ anh không ai có con riêng, hay nhận ai khác làm con nuôi. Năm 2007, ông H và bà M được Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết cho ly hôn theo quy định của pháp luật. Năm 2009 ông H đăng ký kết hôn với bà Trịnh Thị H. Ông H và bà H sinh được 03 người con là Lương M H, Lương Ngọc A và Lương Thị Giang A. Ông H còn có bố là cụ Lương Văn U (đã chết trước ông H) và mẹ là cụ Cao Thị B.

Trong thời kỳ hôn nhân ông H và bà M có tạo lập được khối tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 216m² tại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 31 thuộc xã Vũ Di, huyện Vĩnh Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc (nay thuộc tổ dân phố Hồ Xuân Hương, thị trấn Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc), đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/6/1995 mang tên ông Lê Văn H. Tài sản gắn liền trên đất là 01 ngôi nhà 04 gian cấp bốn. Tại thời điểm giải quyết ly hôn, ông H và bà M đã lập văn bản tự phân chia tài sản chung là quyền sử dụng đất cùng ngôi nhà cấp bốn trên đất theo đó ông H và bà M mỗi người được sử dụng 99,5m² đất và ngăn đôi ngôi nhà cấp bốn, mỗi người sử dụng một nửa. Tuy nhiên việc tự phân chia tài sản chung của ông H và bà M thì chưa ai đi làm thủ tục đăng ký, kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chỉ có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Vũ Di (nay là Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc). Ông H và bà M đã sử dụng ổn định phần đất, tài sản mà mình đã phân chia từ đó đến nay. Phần diện tích đất, ngôi nhà cấp bốn ông H được phân chia thì hiện bà Trịnh Thị H là người đang quản lý, sử dụng.

Năm 2016, ông H chết, trước khi chết ông H không để lại di chúc hay văn bản gì định đoạt đối với tài sản. Bản thân anh và bà H không thỏa thuận được với nhau về việc phân chia di sản thừa kế do ông H để lại.

Nay để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, anh khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của ông Lương Văn H để lại là 1/2 diện tích đất tại thửa đất số 31, tờ bản đồ 31 thuộc tổ dân phố Hồ Xuân Hương, thị trấn Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc và 02 gian của ngôi nhà cấp bốn trên đất. Anh xin được H ký phân thừa kế bằng hiện vật.

Bị đơn - bà Trịnh Thị H trình bày: Sau khi ly hôn với bà Nguyễn Thị M thì ông Lương Văn H và bà đã kết hôn, việc kết hôn thì được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký và cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật. Bà thừa nhận ông H và bà có 03 người con chung như lời trình bày của anh M là đúng. Sau khi kết hôn với ông H, bà và ông H có 03 con chung Lương Minh H, Lương Ngọc A và Lương Thị Giang A. Ngoài ra, ông H và bà không có con nuôi nào khác. Bố đẻ của ông H là cụ Lương Văn U đã chết trước ông H còn mẹ đẻ của ông H là cụ Cao Thị B đang sinh sống tại xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trước khi kết hôn với bà, ông H có tạo lập được 01 thửa đất số 31, tờ bản đồ 31 diện tích 216m² tại xã Vũ Di, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Tổ dân phố Hồ Xuân Hương, thị trấn Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc). Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Lạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Lương Văn H ngày 20/6/1995. Trên đất có 01 ngôi nhà cấp bốn 04 gian. Sau khi kết hôn với ông H thì bà đã sinh sống trên 1/2 thửa đất, trên đất có 02 gian nhà của ngôi nhà cấp bốn, 1/2 tài sản còn lại thì bà Nguyễn Thị M là người sử dụng. Từ khi kết hôn với ông H, bà và ông H sinh sống trên đất, sử dụng tài sản trên đất, giữa bà với bà M không có tranh chấp gì về đất, tài sản trên đất.

Khi bà kết hôn với ông H, ông H đang nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Vĩnh Tường số tiền 97.000.000 đồng (bao gồm cả gốc và lãi). Bản thân bà đã đi làm tích góp và trả toàn bộ số nợ trên thay cho ông H. Trước khi chết, ông H bị bệnh ung thư phổi, bà đã phải lo tiền chạy chữa bệnh và một mình chăm sóc cho ông H hết 50 triệu đồng. Khi ông H chết, một mình bà lo tang lễ cho ông H hết 24 triệu đồng (tiền phong bì phúng viếng được 12 triệu đồng). Anh M, anh V, anh H và bà M không đóng góp tiền hay tài sản gì để chữa bệnh cho ông H cũng như lo tang lễ cho ông H. Nay anh M yêu cầu chia di sản thừa kế của ông H để lại là 1/2 diện tích đất tại thửa số thửa đất số 31, tờ bản đồ 31 thuộc tổ dân phố Hồ Xuân Hương, thị trấn Vĩnh Tường,

huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc và 02 gian của ngôi nhà cấp bốn trên đất, bà đồng ý Tuy nhiên, bà yêu cầu quy đổi toàn bộ số tiền bà trả nợ cho Ngân hàng, tiền chữa bệnh và lo tang lễ cho ông H thành đất cho bà, phần đất còn lại và ngôi nhà cấp bốn bà đồng ý chia thừa kế theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ Cao Thị B tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai thể hiện: Cụ là mẹ đẻ của ông Lương Văn H. Chồng cụ là Lương Văn U (bố đẻ của ông Lương Văn H) đã chết trước ông H. Nay anh Lương Văn M khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của ông H để lại là 1/2 thửa đất số 31, tờ bản đồ 31 diện tích 216m² tại xã Vũ Di, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Tổ dân phố Hồ Xuân Hương, thị trấn Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc) và 02 gian nhà cấp bốn theo quy định của pháp luật, cụ đồng ý. Ký phần thừa kế cụ được H cụ xin nhận bằng đất và tự nguyện cho phần đất được chia cho anh Lương Văn M để anh M làm nhà thờ cúng tổ tiên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lương Văn H và anh Lương Văn V tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai thể hiện: Các anh là con của ông Lương Văn H với bà Nguyễn Thị M. Ông H và bà M sinh được 03 người con chung là Lương Văn M, Lương Thế V và Lương Văn H. Ngoài ra, ông H và bà M không có con riêng, con nuôi nào khác. Năm 2007, ông H và bà M được Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết cho ly hôn. Năm 2009, ông H và bà H kết hôn. Bà H và ông H sinh được 03 người con là Lương Minh H, Lương Ngọc A và Lương Thị Giang A. Bố ông H là cụ Lương Văn U đã chết trước ông H còn mẹ ông H là cụ Cao Thị B đang sinh sống tại xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của anh Lương Văn M, các anh đều đồng ý. Ký phần thừa kế được H, anh H và anh V xin được H bằng đất và tạm thời nhập với phần thừa kế của anh M được H.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường trình bày quan điểm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ thời điểm nhận đơn khởi kiện cho đến khi xét xử thẩm phán giải quyết vụ án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, quá trình điều tra, thu thập chứng cứ tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành thời hạn xét xử đúng quy định. Tại phiên tòa, việc khai mạc phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, thủ tục tranh tụng tại phiên tòa được thực hiện đúng

quy định. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị về thủ tục tố tụng: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 611, 612, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lương Văn M về việc chia di sản thừa kế của ông Lương Văn H để lại. Xác nhận di sản thừa kế của ông Lương Văn H để lại là quyền sử dụng 100m² đất (theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án) tại thửa đất số 41, tờ bản đồ 114 thuộc Tổ dân phố Hồ Xuân Hương, thị trấn Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc (số thửa theo kết quả đo đạc VN 2000) và 02 gian nhà cấp bốn xây dựng trên đất.

+ Chia cho anh Lương Văn M diện tích đất 40m², giá trị tài sản bằng tiền là 140.000.000 đồng.

+ Chia cho bà H được sử dụng 60m² và 02 gian nhà cấp bốn xây dựng trên đất. Tổng giá trị tài sản là 244.155.000 đồng.

Buộc anh M phải thanh toán chênh lệch cho bà H số tiền 422.500 đồng và thanh toán kỷ phần cho anh H, anh V mỗi người 34.894.375 đồng.

Về án phí: Anh Lương Văn M và bà Trịnh Thị H đều có Giấy chứng nhận hộ nghèo và đều đề nghị được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm nên anh M, bà H được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Lương Văn V và anh Lương Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn- anh Lương Văn M khởi kiện đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của ông Lương Văn H đối với bị đơn - bà Trịnh Thị H. Bà H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thị trấn Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về tố tụng: Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cụ Cao Thị B, anh Lương Văn V, anh Lương Văn H tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện: Ông Lương Văn H chết năm 2016. Ngày 24/10/2022, nguyên đơn - anh Lương Văn M khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là 1/2 thửa đất số 31, tờ bản đồ 31 diện tích 216m² tại xã Vũ Di, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Tổ dân phố Hồ Xuân Hương, thị trấn Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc) đứng tên ông Lương Văn H. Căn cứ Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015, vụ án không thuộc trường hợp hết thời hiệu khởi kiện .

[4]. Về nội dung:

[4.1]. Về diện và hàng thừa kế của ông Lương Văn H:

Ông Lương Văn H và bà Nguyễn Thị M sinh được 03 người con chung là Lương Văn M, Lương Thế V và Lương Văn H, ông H và bà M không có con riêng, con nuôi nào khác. Năm 2007, ông H và Bà M được Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết cho ly hôn theo quy định của pháp luật. Năm 2009, ông H và bà Trịnh Thị H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Ông H và bà H sinh được 03 người con là Lương Minh H, Lương Ngọc A và Lương Thị Giang A. Ngoài ra, ông H và bà H không có con nuôi nào khác. Bố đẻ của ông H là cụ Lương Văn U đã chết trước ông H còn mẹ đẻ của ông H là cụ Cao Thị B hiện đang sinh sống tại xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của ông H được xác định là cụ B, bà H, anh M, anh V, anh H, cháu H, cháu A và cháu A.

[4.2]. Về di sản thừa kế và chia thừa kế: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự thì có đủ căn cứ để xác định ông Lương Văn H và bà Nguyễn Thị M đã tự phân chia tài sản là quyền sử dụng đất cùng tài sản trên đất. Sau khi phân chia thì ông H và bà M đã phân định mốc giới phần tài sản của mình được H, không tranh chấp gì với nhau về việc phân chia, về mốc giới đất. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị M trình bày về tài sản chung của bà và ông H thì đã được bà và ông H tự thỏa thuận phân chia, bà không có tranh chấp gì đối với phần tài sản của ông H. Bà cũng không có bất cứ quyền lợi gì đối với tài sản của ông H, di sản thừa kế của ông H. Đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, cần xác nhận di sản thừa kế do ông Lương Văn H để lại là quyền sử dụng 1/2 diện tích đất có hai mặt giáp với đường của thửa đất số 31, tờ bản đồ 31 diện tích 216m² tại xã Vũ Di, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là thửa đất số 41, tờ bản đồ 114, diện tích 202,2m² tại Tổ dân phố Hồ Xuân Hương, thị trấn Vĩnh Tường,

huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc) và 02 gian nhà cấp bốn xây dựng trên đất hiện bà H đang quản lý sử dụng.

Theo văn bản thỏa thuận chia tài sản chung lập ngày 09/9/2011 giữa ông H và bà M thì diện tích thửa đất là di sản do ông H để lại nêu trên là 99,5m². Tuy nhiên, theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 16/02/2023 thì diện tích thửa đất này là 100m². Quyền sử dụng đất ngoài việc không tranh chấp gì với diện tích đất của bà M thì cũng không vi phạm quy hoạch, không xâm phạm hành lang giao thông thuộc quản lý của Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh Tường.

Trong quá trình chung sống với ông H, bà H đã cùng ông H trả khoản nợ riêng của ông hiện tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh Vĩnh Tường. Sau khi ông H chết, bà H vẫn tiếp tục trả nợ cho ông H. Khi ông H ốm đau thì bà H là người chăm sóc ông H. Khi ông H chết bà H là người đứng ra lo ma chay, cúng giỗ hàng năm cho ông H theo phong tục, tập quán của địa phương. Đồng thời bà H đã cùng ông H nâng nền, cải tạo lại sân làm tăng thêm giá trị của khối di sản do ông H để lại. Do vậy, cần trích công sức cho bà H là 30m² đất là phù hợp, đảm bảo sự công bằng của pháp luật.

Di sản thừa kế mà ông H để lại sau khi trích công sức cho bà H còn lại là 70m², trị giá 245.000.000 đồng và 02 gian nhà cấp bốn trị giá 34.155.000 đồng. Tổng giá trị di sản là 279.155.000 đồng. Do ông H chết không để lại di chúc nên di sản do ông H để lại được chia đều cho 08 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H gồm cụ Cao Thị B, bà Trịnh Thị H, cháu Lương M cháu Lương Ngọc A, cháu Lương Thị Giang A, anh Lương Văn M, anh Lương Văn H và anh Lương Thế V, mỗi người được H kỷ phần có giá trị 34.894.375 đồng (tương đương 8,75m² đất và một phần giá trị ngôi nhà là 4.269.375 đồng).

Cụ B tự nguyện tặng cho kỷ phần của mình được H cho anh M nên cần chấp nhận sự tự nguyện này của cụ B. Các cháu Lương M H, Lương Ngọc A, Lương Thị Giang A hiện còn nhỏ nên giao kỷ phần của các cháu được H cho bà H là người đại diện theo pháp luật của các cháu.

Anh M, anh H, anh V và bà H đều đề nghị được nhận bằng hiện vật. Tuy nhiên, do diện tích đất là di sản do ông H để lại nhỏ, không đủ để chia bằng hiện vật nên chỉ xem xét chia cho anh M, bà H được nhận bằng hiện vật.

Hiện nay, bà H đang phải nuôi dưỡng các cháu Lương M H, Lương Ngọc A, Lương Thị Giang A và ngôi nhà cấp bốn 02 gian (di sản của ông H để lại) là chỗ ở duy nhất của bà H và các con. Do vậy, việc giao phần đất có ngôi nhà cấp bốn 02 gian nêu trên cho bà H quản lý sử dụng là phù hợp.

Như vậy, chia di sản thừa kế của ông H để lại cho anh M được sử dụng phần tài sản có giá trị là 139.577.500 đồng, bà H được sử dụng phần tài sản có giá trị là 244.577.500 đồng (bao gồm cả giá trị 30m² đất trích công sức cho bà H). Quy ra hiện vật thì cần chia cho anh M sử dụng 40m² đất, tương đương giá trị 140.000.000 đồng, chia cho bà H sử dụng 60m² đất và 02 gian nhà cấp bốn. Buộc anh M phải thanh toán chênh lệch tài sản cho bà H số tiền 422.500 đồng và pH thanh toán kỹ phần cho anh H, anh V mỗi người 34.894.375 đồng. Các cháu Lương M H, Lương Ngọc A và Lương Thị Giang A sau khi trưởng thành có đầy đủ năng lực hành vi dân sự có yêu cầu đối với kỹ phần thừa kế của mình được chia (được giao cho bà H quản lý, sử dụng) thì có quyền đề nghị giải quyết bằng một vụ việc khác theo quy định của pháp luật.

Đối với các tài sản khác gồm tường bao loan (03 đoạn) trụ cổng, cổng sắt, 01 phần mái tôn (bà H xây dựng làm bếp nấu) các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Do các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về các tài sản trên nên ông M, bà H được sử dụng các tài sản trên phần diện tích đất mình được chia.

[5]. Về chi phí tố tụng: Do các đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Anh Lương Văn M và bà Trịnh Thị H đều có Giấy chứng nhận hộ nghèo và đều đề nghị được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm nên anh M, bà H được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ mình pH chịu (bao gồm cả phần thừa kế do cụ B nhường cho anh M). Anh Lương Văn V và anh Lương Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 468, 611, 612, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lương Văn M về chia di sản thừa kế của ông Lương Văn H.

Xác nhận di sản thừa kế của ông Lương Văn H để lại là quyền sử dụng diện tích đất 100m² tại thửa đất số 31, tờ bản đồ 31 (nay là thửa số 41, tờ bản đồ số 114 thuộc Tổ dân phố Hồ Xuân Hương, thị trấn Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh

Vĩnh Phúc), đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Lạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Lương Văn H ngày 20/6/1995.

1.1. Chia cho anh Lương Văn M được sử dụng 40m² đất tại thửa đất số 31, tờ bản đồ 31 (nay là thửa số 41, tờ bản đồ số 114 thuộc Tổ dân phố Hồ Xuân Hương, thị trấn Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc) cùng tài sản trên đất, đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Lạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Lương Văn H ngày 20/6/1995 (*theo sơ đồ chi tiết kèm theo, ký hiệu là S1*).

1.2. Chia cho bà Trịnh Thị H được sử dụng 60m² tại thửa đất số 31, tờ bản đồ 31 (nay là thửa số 41, tờ bản đồ số 114 thuộc Tổ dân phố Hồ Xuân Hương, thị trấn Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc), 02 gian nhà cấp bốn cùng các tài sản khác trên đất, đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Lạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Lương Văn H ngày 20/6/1995 (*theo sơ đồ chi tiết kèm theo, ký hiệu là S2*).

Buộc anh M phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho bà H số tiền 422.500 đồng và thanh toán kỷ phần thừa kế cho anh H và anh V mỗi người 34.894.375 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà H, anh V, anh H có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh M không thanh toán số tiền trên cho bà H, anh V, anh H thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền trậm trả tương ứng với thời gian trậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Anh Lương Văn M được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho anh M số tiền 8.100.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: 0005680 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường.

Bà Trịnh Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lương Văn H và anh Lương Văn V mỗi người phải chịu 1.744.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi Cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc (để biết);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hồng Giang